

Bản án số: **87/2024/DS-ST**

Ngày: 30 - 8 - 2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Nguyễn Văn Cơ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Thuỳ Trang** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Phương D** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2024/TLST-DS ngày 27/6/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXX- DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty CP S** có ngay;

Trụ ở: **A N, phường B**, TP Vinh, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Kanokwatpaisal N** – Giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Võ Hoài V**, sinh năm 1991; Địa chỉ liên hệ: **E L, phường C, quận T, TP Đà Nẵng**. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị Xuân T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **K T, phường H, quận L, TP Đà Nẵng**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn **Công ty CP S** có ngay là ông **Võ Hoài V** trình bày:*

Theo giấy Đăng ký kinh doanh chúng tôi đã đăng ký thì **Công Ty Cổ Phần S Có Ngay** (sau đây gọi là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực

Cầm cố tài sản. Vào ngày 04/09/2020, bà Ngô Thị Xuân T1 có đến chi nhánh Đ 1 của Công ty tại địa chỉ: E L, phường C, quận T, Thành phố Đà Nẵng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: DNM200901006NA12X được ký giữa các bên ngày 04/09/2020 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichdambao/botuphap: 1380999488 theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> thì bà Ngô Thị Xuân T1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

- + 01 xe máy biển kiểm soát: 43F1-123.54
- + Loại xe: Airblade 110cc Fi; màu: BẠC ĐEN VÀNG
- + Số khung: 709906 - số máy: 1509260
- + Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012369 Do Công an Thành phố Đ cấp ngày 19/12/2012 Để lấy số tiền là 9,900,000 đồng (Chín triệu chín trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 04/09/2020 - 04/09/2021) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Ngô Thị Xuân T1 . Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Ngô Thị Xuân T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 04/09/2020 đến 04/09/2021 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Đ.

Bà Ngô Thị Xuân T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, bà Ngô Thị Xuân T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty chúng tôi. Bà T mới chỉ thanh toán được 6 kỳ với số tiền:

7.055.000đ (từ 4/10/2020 đến 4/03/2021). Trong đó: + Gốc: 4.216.765 vnd
+ Lãi: 544.170 vnd + Phí TĐTS: 1.978.757 vnd + Phí trễ hạn: 315.308 vnd.

Từ 4/4/2021 đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 1244 ngày, bà Ngô Thị Xuân T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty chúng tôi.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Ngô Thị Xuân T tại địa chỉ: K T, P . H, Q.L, TP ĐN nhưng đều không gặp . Chúng tôi đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Ngô Thị Xuân T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty chúng tôi, nhưng bà Ngô Thị Xuân T1 không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty chúng tôi.

Do đó Công ty khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết:

Buộc bà Ngô Thị Xuân T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 30/08/2024 là : 10.376.200 vnd. Trong đó : + Gốc : 5.683.235 vnd (từ 4/4/2021 – 4/9/2021)
+ Lãi trong hạn : 227.849 vnd (từ 4/4/2021 – 4/9/2021) + Phí thẩm định tài sản : 828.584 vnd (từ 4/4/2021 – 4/9/2021) + Phí trễ hạn : 3.636.532 vnd (từ

4/4/2021 – 30/08/2024) Ngoài ra bà **Ngô Thị Xuân T** còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 31/08/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà **Ngô Thị Xuân T** không trả tiền thì **Công ty CP S** có ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade 110cc Fi, BKS 43F1-123.54; Số khung: 709906; Số máy: 1509260 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM200901006NA12X ngày 04/9/2020.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Rút yêu cầu khởi kiện về việc nếu bà **Ngô Thị Xuân T** không trả tiền thì **Công ty CP S** có ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade 110cc Fi, BKS 43F1-123.54; Số khung: 709906; Số máy: 1509260 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM200901006NA12X ngày 04/9/2020.

*Đối với bị đơn bà **Ngô Thị Xuân T**, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn là bà **Ngô Thị Xuân T** đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên Tòa hai lần mà không có lý do. Vì vậy, bà **Ngô Thị Xuân T** không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 117, 280, 309, 310, 314 và 316 Bộ luật Dân sự giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **Ngô Thị Xuân T** phải thanh toán cho **Công ty CP S** có ngay số tiền tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 10.376.200 đồng bao gồm: Nợ gốc 5.683.235,41 đồng; Nợ lãi: 227.849 đồng; Phí thẩm định tài sản: 828.584 đồng; Phí trễ hạn: 3.636.532 đồng đối với hợp đồng cầm cố tài sản số DNM200901006NA12X được ký giữa các bên ngày 04/09/2020 và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng cầm.

Sau khi bà **T** thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên, **Công ty CP S** có ngay trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012369 Do **Công an Thành phố Đ** cấp ngày 19/12/2012 cho bà **Ngô Thị Xuân T**.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với nội dung trường hợp bà **Ngô Thị Xuân T** không trả tiền thì **Công ty CP S** có ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade 110cc Fi, BKS 43F1-123.54; Số khung: 709906; Số máy: 1509260.

Về án phí: Bà **Ngô Thị Xuân T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, **Công ty CP S** có ngay khởi kiện yêu cầu bà **Ngô Thị Xuân T** trả tiền theo Hợp đồng cầm cố số DNM200901006NA12X được ký giữa các bên ngày 04/09/2020 là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”. Bị đơn là bà **Ngô Thị Xuân T** hiện có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ **K T, phường H, quận L, TP Đà Nẵng**, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Võ Hoài V**, bị đơn bà **Ngô Thị Xuân T**. Tại phiên tòa, ông **V** có mặt, bà **T** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu căn cứ vào Điều 222; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà **Ngô Thị Xuân T**.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Công ty CP S có ngay được **Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh N** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 2901807716 cấp ngày 24/11/2015 đăng ký nội dung kinh doanh ở mục 27: hoạt động cấp tín dụng khác, Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ. Đến ngày 09/01/2024, đăng ký thay đổi thành **Công ty CP S** có ngay, mã số chi nhánh là 2901807716-037. **Công ty CP S** có ngay ký kết với bà **Ngô Thị Xuân T** Hợp đồng cầm cố số DNM200901006NA12X ngày 04/09/2020 với mục đích cho bà **T** cầm cố tài sản để vay tiền. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình

thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật; nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng trên cơ sở qui định tại các Điều 117, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314 và 316 Bộ luật Dân sự. Nay, Công ty CP S có ngay khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng cầm cố nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các các Điều 117, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314 và 316 của Bộ luật Dân sự; để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngày 04/9/2020, bà Ngô Thị Xuân T (Bên cầm cố) và Công ty CP S có ngay Chi nhánh Đ (Bên nhận cầm cố) ký kết Hợp đồng cầm cố số DNM200901006NA12X. Theo đó bà T đồng ý giao tài sản cầm cố cho Công ty CP S có ngay quản lý, sử dụng, định đoạt, cầm cố là xe máy nhãn hiệu HONDA Airblade màu đen, loại xe hai bánh, biển số đăng ký 43F1-123.54 và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012369 Do Công an Thành phố Đ cấp ngày 19/12/2012 cho bà Ngô Thị Xuân T. Đồng thời, Công ty CP S có ngay đã cho bà T cầm cố số tiền 9.900.000 đồng (Chín triệu chín trăm nghìn đồng y); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 04/09/2020 - 04/09/2021) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Hợp đồng cầm cố nêu trên được đăng ký giao dịch bảo đảm trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichdambao/botuphap:1488629772 theo web : <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>. Ngoài ra, hai bên còn ký kết Phụ lục Hợp đồng cầm cố vào ngày 04/9/2020.

Bà T có ký Giấy mượn xe ngày 04/9/2020, Công ty CP S có ngay cho bà T mượn lại xe nêu trên để có phương tiện đi lại phục vụ công việc cá nhân, thời hạn mượn xe từ ngày 04/9/2020 đến 04/10/2020.

Như vậy, Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe nêu trên được ký kết giữa bà Ngô Thị Xuân T và Công ty CP S có ngay hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 117, 309, 310 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực ràng buộc các bên tham gia kể từ thời điểm ký kết.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, sau khi nhận đủ số tiền cầm cố bà T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng, đến nay đã quá hạn hợp đồng, như vậy bà T không thực hiện đúng thời hạn cam kết về nội dung thỏa thuận trả tiền gốc, lãi, phí và trả xe máy HONDA Airblade màu đen, loại xe hai bánh, biển số đăng ký 43F1-123.54 là vi phạm Hợp đồng cầm cố: “12 tháng (từ 04/09/2020 - 04/09/2021)” (Điều 3), “Lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền,” Thời hạn thanh toán vào ngày 09 hàng tháng”, “Lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố...” (Điều 4), tính từ ngày ký hợp đồng

và nhận tiền. Phí hợp lý khác theo quy định tại mục 1 của Phụ lục về Điều khoản chung đính kèm Hợp đồng này” (Điều 5) và Giấy mượn xe: “Thời hạn mượn xe là 30 ngày, từ ngày từ 04/09/2020 - 04/10/2020”, “trả lại xe khi hết hạn”.

Vì vậy, căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự, căn cứ vào bảng tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của Công ty CP S có ngay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Ngô Thị Xuân T phải thanh toán cho Công ty CP S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 30/08/2024 là: 10.376.200 đồng. Trong đó: Gốc: 5.683.235 đồng; Lãi trong hạn: 227.849 đồng; Phí thẩm định tài sản: 828.584 đồng; Phí trễ hạn: 3.636.532 đồng.

Ngay sau khi bà Ngô Thị Xuân T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì Công ty CP S có ngay có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của bà Ngô Thị Xuân T có BKS 43D1-447.06 theo quy định tại Điều 316 Bộ luật dân sự.

[4.3] Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Công ty CP S có ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung trường hợp bà Ngô Thị Xuân T không trả tiền thì Công ty CP S có ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade màu đen, BKS 43F1-123.54; Số khung: 709906; Số máy: 1509260 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM200901006NA12X ngày 04/09/2020. Xét việc rút các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty CP S có ngay được chấp nhận nên bà Ngô Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 117, 280, 309, 310, 314 và 316 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP S có ngay đối với bị đơn bà Ngô Thị Xuân T về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà **Ngô Thị Xuân T** phải thanh toán cho **Công ty CP S** có ngay số tiền tạm tính đến ngày 30/08/2024 là: 10.376.200 đồng. Trong đó: Gốc: 5.683.235 đồng; Lãi trong hạn: 227.849 đồng; Phí thẩm định tài sản: 828.584 đồng; Phí trễ hạn: 3.636.532 đồng.

Và tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng cầm cố số DNM200901006NA12X được ký giữa các bên ngày 04/09/2020.

Ngay sau khi bà **Ngô Thị Xuân T** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì **Công ty CP S** có ngay có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 012369 Do **Công an Thành phố Đ** cấp ngày 19/12/2012 của bà **Ngô Thị Xuân T** có BKS 43F1-123.54.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của **Công ty CP S** có ngay đối với nội dung trường hợp bà **Ngô Thị Xuân T** không trả tiền thì **Công ty CP S** có ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade, BKS 43F1-123.54; Số khung: 709906; Số máy: 1509260 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM200901006NA12X ngày 04/09/2020.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Ngô Thị Xuân T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 518.810 đồng (Năm trăm mười tám ngàn tám trăm mười đồng).

Hoàn trả cho **Công ty CP S** có ngay số tiền tạm ứng án phí là 409.325 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ chín ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000778 ngày 27/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Liên Chiểu ;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nguyễn Thi Thi